

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81 /2022/DS-ST

Ngày: 29-8-2022

V/v: “Yêu cầu chia tài sản chung của  
vợ chồng và chia thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Văn Đề

Ông Phạm Văn Lịch.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2022/TLST- DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 về “ Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967; Hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố số 4, thị trấn K, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (có mặt)

**Bị đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm Bắc Sơn, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Năm 1983 bà X kết hôn với ông Phạm Quang Q. Bà X và ông Q sinh được 02 người con là Phạm Thị H và Phạm Văn S. Anh S bị bệnh đã chết năm 2013 khi chưa có vợ, con. Quá trình chung sống, vợ chồng bà X, ông Q có khối tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa số 86, tờ bản đồ số 14 thị trấn K, diện tích 196 m<sup>2</sup> đất ở, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05-3-2001 mang tên hộ ông Phạm Quang Q và một nhà mái bằng hai tầng

trên đất. Nguồn gốc thửa đất trên là do bố mẹ bà X cho vợ chồng bà khoảng 400 m<sup>2</sup> đất ao, ông Q, bà X đã vượt lập lên thành thổ và được chuyển đổi mục đích thành đất ở. Sau đó có bán cho ông Nguyễn Thanh Bình là anh trai bà X một nửa thổ, năm 2001, vợ chồng ông Q, bà X được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất 196 m<sup>2</sup> tên hộ ông Q. Năm 2016, ông Q chồng bà chết không để lại di chúc, bố mẹ đẻ ông Q cũng đều đã chết trước ông Q. Năm 2020, bà X cho rằng từ khi ông Q còn sống vợ chồng bà đã cho tiền chị H là con gái mua một thổ đất khoảng 200m<sup>2</sup> ở xóm Bắc Sơn, xã C và có giúp đỡ thêm vợ chồng chị H tài chính xây nhà nên chị H đã có xuất có phần nên bà X có nguyện vọng làm thủ tục sang tên nhà đất đứng tên vợ chồng sang tên cho bà X nhưng chị H không nhất trí.

Bà Xuyên trình bày bà là người vất vả nhiều vì từ năm 2014, ông Q phát hiện bị bệnh ung thư dạ dày, sau di căn thành ung thư phổi. Ông Q bệnh nặng dần và sau đó bị liệt trước khi qua đời. Thời gian ông Q nằm liệt thì chỉ có bà X thường xuyên bên cạnh chăm sóc và phải đưa ông Q đi bệnh viện trên Hà Nội. Còn chị H là con gái nhưng không chăm sóc ông Q được ngày nào. Ông Q mất, việc lo đám tang cũng do một mình bà X lo toàn bộ, chị H không đóng góp gì cùng bà X. Hàng năm cúng giỗ ông Q thì chị H cũng không đến giỗ bố. Từ sau khi ông Q mất thì bà X là người quản lý, trông coi tài sản nhà đất của ông bà, chị H không có đóng góp gì vào khối tài sản chung này.

Do đó, bà X đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế tài sản diện tích 196m<sup>2</sup> tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14 thị trấn K và các công trình trên đất; chia tài sản thừa kế của ông Q để lại theo quy định. Bà X đề nghị Tòa án xem xét thêm cho bà công sức trông coi, quản lý tài sản và công sức chăm sóc cho ông Q và khi chia tài sản xin nhận bằng hiện vật.

*\* Tại bản tự khai ngày 07-7-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Phạm Thị H trình bày:* chị H công nhận lời trình bày của bà X về quan hệ hôn nhân, huyết thống, gia đình và ông Q chết năm 2016 không để lại di chúc, về di sản thừa kế là bất động sản bà X trình bày là đúng. Hiện nay chị H cũng đã có nhà ở riêng, chị muốn mẹ con tự thống nhất thỏa thuận nhưng bà X vẫn quyết tâm khởi kiện ra Tòa nên chị cũng không phản đối, chị nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà H về việc chia tài sản chung và chia thừa kế của ông Q. Mặc dù chị công nhận không đóng góp gì vào khối tài sản chung của ông Q, bà X nhưng chị không nhất trí ký sang tên cho bà X, bà X cứ sử dụng chị không có ý kiến tranh chấp gì và không yêu cầu gì. Nay bà X khởi kiện chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Bà X, chị H giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã trình bày ở trên.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu ý kiến:*

Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và

Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị X. Xác định tài sản chung của ông Phạm Quang Q và bà Nguyễn Thị X là quyền sử dụng đất tại thửa số 86, tờ bản đồ số 14 thị trấn K, diện tích 196 m<sup>2</sup> đất ở và các công trình trên đất có tổng trị giá 3.323.000.000đ; bà X và ông Q mỗi người được hưởng một nửa khối tài sản chung. Xác định di sản thừa kế của ông Q để lại là ½ khối tài sản trên trị giá 1.661.500.000đ. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm 2 người: bà X và chị H. Xét đề nghị của bà X xem xét về công sức trông coi, quản lý tài sản chung và công sức nuôi dưỡng, chăm sóc ông Q nên chia bà X hưởng thêm một suất thừa kế là phù hợp đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Hiện nay bà X không có nơi ở nào khác, chị H đã có nhà đất riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà X sở hữu, sử dụng thửa đất và tài sản trên đất tranh chấp và bà X có trách nhiệm thanh toán giá trị một kỷ phần thừa kế cho chị H theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về khối tài sản chung của ông Phạm Văn Q, bà Nguyễn Thị X và yêu cầu chia tài sản chung của bà X và ông Q:*

Đối với quyền sử dụng đất 196 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14 thị trấn K và các công trình trên đất, các đương sự trong vụ án đều kê khai thống nhất về nguồn gốc và công nhận là tài sản chung của ông Q, bà X là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14 tại thị trấn K, diện tích 196 m<sup>2</sup> đất ở và các công trình trên đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05-3-2001 mang tên hộ ông Phạm Quang Q có tổng trị giá 3.323.000.000đ. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu chia tài sản chung của bà X được chấp nhận. Bà X và ông Q mỗi người được hưởng 1/2 khối tài sản chung là  $196\text{m}^2 : 2 = 98\text{m}^2$  có trị giá 1.661.500.000đ.

*[2] Về diện và hàng thừa kế của ông Q:*

Bố mẹ đẻ ông Q là ông Phạm Văn Chiến chết năm 2006 và bà Nguyễn Thị Thoa chết năm 2009. Ông Q và bà X kết hôn sinh được 2 người con chung là chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn Hải, anh Hải đã chết năm 2013 chỉ chưa có vợ con. Năm 2016 ông Q chết, trước khi chết không để lại di chúc nên chia di sản thừa kế của ông Q để lại theo pháp luật. Căn cứ các Điều 651, 654 Bộ luật dân sự 2015, xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm bà Nguyễn Thị X và chị Phạm Thị H.

*[3] Về việc phân chia thừa kế tài sản của ông Q:*

Xác định di sản thừa kế của ông Q để lại là  $\frac{1}{2}$  quyền sử dụng thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14 tại thị trấn K, diện tích 196 m<sup>2</sup> đất ở và các công trình trên đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05-3-2001 mang tên hộ ông Phạm Quang Q có trị giá 1.661.500.000đ .

Xét yêu cầu của bà X đề nghị Tòa án khi chia thừa kế tài sản của ông Q xem xét cho bà công quản lý, trông ,chăm sóc ông Q thì thấy: Các đương sự đều thừa nhận, ông Q qua đời ở tuổi trung niên, nguyên nhân do bệnh tật không phải do tuổi già. Từ sau khi ông Q qua đời, chị H không đến cúng giỗ bố, khối tài sản chung của ông Q, bà X do bà X trông coi, quản lý và bà X phải bỏ công, bỏ của vay công mượn nợ chăm sóc ông Q khi ốm đau, lo mai táng phí cho ông Q là đúng và là sự việc có thật. Do đó, bà X yêu cầu tính xem xét thêm cho bà X công chăm sóc ông Q, công trông coi, quản lý khối tài sản chung cho bà X khi chia thừa kế tài sản của ông Q là phù hợp và cần chấp nhận cho bà X thêm một suất thừa kế khi chia thừa kế tài sản của ông Q là đảm bảo về tình về lý đối với vụ án chia thừa kế tài sản.

*[4] Về chia thừa kế tài sản bằng hiện vật:*

Bà X đề nghị Tòa án chia tài sản chung và chia thừa kế cho bà bằng hiện vật, giao toàn bộ khối tài sản chung của ông Q, bà X cho bà sở hữu, sử dụng, bà X có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho chị H. Xét điều kiện hoàn cảnh của bà X, chị H thì thấy: Hiện nay bà X đang ở tại nhà đất mà bà đang yêu cầu Tòa án chia, ngoài ra không có nơi ở nào khác; chị H xác nhận chị đã có gia đình, có nơi ở riêng và ổn định. Mặt khác, hiện trạng tài sản chung của ông Q, bà X có một nhà hai tầng xây dựng gần kín thổ đất diện tích 196 m<sup>2</sup> và phần lớn tài sản tranh chấp chia cho bà X. Do đó, cần chia cho bà X được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất trên và các công trình xây dựng trên đất và bà X thanh toán giá trị kỷ phần cho chị H được hưởng là 553.833.000đ (năm trăm năm mươi ba triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) giá trị tài sản thừa kế ông Q để lại là phù hợp.

*[5] Về chi phí tố tụng:* Bà X nhận nộp toàn bộ tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản, bà X đã nộp đủ và không yêu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*[6] Về án phí:* Bà Nguyễn Thị X, chị Phạm Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 184, 185 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị X.

2. Xác nhận quyền sử dụng diện tích 196 m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 86, tờ bản đồ số 14 thị trấn K, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri S247923, ngày 05-3-2001 mang tên hộ ông Phạm Quang Q và các công trình trên đất là tài sản chung hợp pháp của bà Nguyễn Thị X và ông Phạm Quang Q có tổng trị giá 3.323.000.000đ (ba tỷ ba trăm hai mươi ba triệu đồng). Xác nhận di sản thừa kế của ông Phạm Quang Q là ½ khối tài sản trên có trị giá 1.661.500đ (một tỷ sáu trăm sáu mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Chia cho bà Nguyễn Thị X được quyền sử dụng 196 m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 86, tờ bản đồ số 14 thị trấn K, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri S247923, ngày 05-3-2001 mang tên hộ ông Phạm Quang Q và được quyền sở hữu các công trình trên đất (gồm một nhà hai tầng, một đại proximang) có tổng trị giá 3.323.000.000đ (ba tỷ ba trăm hai mươi ba triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm thanh toán cho chị Phạm Thị H số tiền 553.833.000đ (năm trăm năm mươi ba triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) giá trị thừa kế tài sản ông Q để lại.

Bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự ( bà Nguyễn Thị X) theo quyết định của bản án khi đương sự có yêu cầu.

### 3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị X phải nộp 87.383.000đ (tám mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006231 ngày 30-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà X còn phải nộp 80.383.000đ (tám mươi triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng).

- Chị Phạm Thị H phải nộp 26.153.000đ (hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự:
- TAND tỉnh Nam Định:
- VKSND huyện Hải Hậu:
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu:
- UBND TT K;
- Hồ sơ vụ án:
- Lưu văn phòng:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị H**